

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2020

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Bảo Ngân;

2/ Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1952 (*có mặt*)

Bị đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1951 (*xin xét xử vắng mặt*)

Cùng nơi cư trú: ấp Q2, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông A là do mai mối, sau 02 tháng tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1979, đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì hôn nhân phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước đây bà đã có gia đình và có con riêng nên ông A không hài lòng việc bà chăm lo cho con riêng. Ngoài ra Bà C làm ăn thua lỗ nên đi nên khi chung sống với ông A không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Năm 2001 bà C đi Hà Tiên sinh sống và ly thân với ông A. Năm 2009 bà C về sống tại địa phương nhưng

mâu thuẫn giữa bà và ông A vẫn không giải quyết được, ông A hay ghen tuông vô cớ nên mâu thuẫn giữa bà và ông A trầm trọng hơn. Nay bà C nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông A.

Về con: Quá trình chung sống có 03 con : Trần Hoàng L, sinh năm 1979 là con riêng của bà C. Trần Mỹ B, sinh năm 1980 và Trần Mỹ D, sinh năm 1984 là con chung của bà và ông A. Tất cả các con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn A trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: thống nhất với trình bày của bà C về hôn nhân Hôn nhân của ông và bà C là do mai mối, không qua tìm hiểu, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 1979, đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, bà C đi chấp hành hình phạt tù từ năm 1996 đến năm 2000 trở về địa phương nhưng vợ, chồng sống không phù hợp về tính tình nên hôn nhân dần phai nhạt, không hạnh phúc. Từ năm 2001 ông và bà C đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân giữa ông và bà C không ai quan tâm đến ai nên ông A đồng ý ly hôn với bà C.

Về con: Ông A thống nhất có 03 Trần Hoàng L, sinh năm 1979 là con riêng của bà C. Trần Mỹ B, sinh năm 1980 và Trần Mỹ D, sinh năm 1984 là con chung của bà và ông A. Tất cả các con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông A. Tại “*biên bản xác minh*” ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố cần Thơ, địa phương cho biết bà Phạm Thị C và ông Trần Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân ngày năm 1979, đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc nên ly thân từ năm 2001 đến nay. Bà C và ông A có 03 con là Trần Hoàng L, sinh năm 1979 là con riêng của bà C. Trần Mỹ B, sinh năm 1980 và Trần Mỹ D, sinh năm 1984 là con chung của bà và ông A. Tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp

hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử cho bà C được ly hôn với ông A. Về con, tất cả đã thành niên không giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông A có ý kiến xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân của bà C và ông A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tuy chưa đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 1979 nên căn cứ vào Điểm a Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 thì hôn nhân giữa bà C và ông A là hôn nhân thực tế. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, điều kiện kinh tế khó khăn nên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Tòa án đã thông báo các đương sự đến Tòa án để hòa giải, động viên bà C và ông A bỏ qua mâu thuẫn trở về chung sống đoàn tụ nhưng ông A không đến Tòa án và xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ giữa bà C và ông A tình cảm không còn, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Trong quá trình ghi lời khai bà C và ông A đều thống nhất ly hôn, do ông A không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận bà C và ông A thuận tình ly hôn mà cho bà C được ly hôn với ông A là phù hợp.

[3] Về con: Bà C và ông A thống nhất có 03 con là Trần Hoàng L, sinh năm 1979 là con riêng của bà C. Trần Mỹ B, sinh năm 1980 và Trần Mỹ D, sinh năm 1984 là con chung của bà và ông A. Tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Nguyên, bị đơn thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5 , 6, 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Trần Văn A

Về con chung: Có 03 người Trần Hoàng L, sinh năm 1979 là con riêng của bà C. Trần Mỹ B, sinh năm 1980 và Trần Mỹ D, sinh năm 1984 là con chung của bà và ông A. Tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số AB/2016/008364 ngày 11/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Bà C không phải nộp thêm án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- CC THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Võ Hà Thía